

Số: 10/2018/QĐST-HNGĐ

Vị Xuyên, ngày 30 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số 124/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa:

Người yêu cầu: Chị **Đỗ Thị D** - Sinh năm: 1982; Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang;

Người yêu cầu: Anh **Nguyễn Xuân N** - Sinh năm: 1982; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T1, huyện V, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các điều 212; 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đỗ Thị D** - Sinh năm: 1982; Nơi ĐKKHKT: Tổ 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang và anh **Nguyễn Xuân N** - Sinh năm: 1982; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T1, huyện V, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Xuân N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Các đương sự thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Nguyễn Khánh H (sinh ngày 10/11/2009) và cháu Nguyễn Vĩnh K (sinh ngày 23/9/2011) cho chị Đỗ Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Vĩnh K với mức là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/12/2017 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- *Về tài sản và công nợ chung*: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về lệ phí*: Các đương sự thỏa thuận chị Đỗ Thị D chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01898, ngày 11 tháng 12 năm 2017. Chị D đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện V;
- Hồ sơ vụ án, vp.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Đàm